

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG - CHĂM SÓC SỨC KHỎE

CHỦ ĐỀ: “BẢN THÂN VÀ NGÀY HỘI 20/10”

Thực hiện 4 tuần, từ ngày 05/10 đến ngày 30/10/2026

GV thực hiện: Nguyễn thị Lân

Nội Dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Mục đích yêu cầu	Kết quả
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Đảm bảo số bữa ăn một ngày cho trẻ tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. b. Chăm sóc bữa ăn * Trước khi ăn: - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; * Trong khi ăn: - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: Biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. -Giáo viên quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được	- Đảm bảo năng lượng tại trường của 1 trẻ trong ngày là 615 - 726 Kcal; Trẻ uống đủ nước. -100% biết rửa tay sạch sẽ trước khi ăn - Trẻ thực hiện được các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của cô. - Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ. - Cô luôn thực hiện đúng yêu cầu vệ sinh cá nhân để đảm bảo VSATTP. - Cô tạo không khí thoải mái và khuyến khích trẻ ăn hết suất, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn. - Xếp những trẻ yếu, ăn chậm và suy dinh dưỡng riêng 1 bàn để tiện chăm sóc. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc.	

	thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. * Sau khi ăn: - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi quy định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung.	-Quan sát để kịp thời phát hiện trẻ hóc sặc. -Rèn kỹ năng xếp bát, thìa gọn gàng đúng nơi qui định cho trẻ sau khi ăn xong - 90- 95% trẻ có nề nếp và một số hành vi văn minh trong ăn, uống	
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy gối ... - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ môi trường trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác. * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi quy định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc	- Cô tập cho trẻ có thói quen tự phục vụ. - Cô thực hiện đúng các nội dung để đảm bảo giấc ngủ cho trẻ. - Sưu tầm một số làn điệu dân ca, các bài hát ru ghi băng để mở vào giờ trẻ ngủ giúp trẻ ngủ ngon giấc. - Luôn chú ý điều chỉnh quạt khi cho trẻ ngủ. -Cô thức để bao quát và kịp thời xử lý các tình huống có thể xảy ra trong quá trình trẻ ngủ. - Không nên ép trẻ ngủ khi trẻ chưa quen mà cô nên tạo tâm lý an toàn để đưa trẻ vào giấc ngủ tự nhiên.	

	trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn - Giáo viên chuẩn bị giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy	- Giáo viên là tấm gương về giữ vệ sinh và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bản thân và những người xung quanh để trẻ học tập và làm theo, không làm lây bệnh tật sang trẻ và cộng đồng. - 100% trẻ có đồ dùng cá nhân đầy đủ, riêng biệt, có ký hiệu riêng - 80- 85 % trẻ thực hiện tốt các thao tác vệ sinh và các quy định về vệ sinh cá nhân. - Thường nhắc nhở để trẻ thực hiện đúng để rèn thói quen tốt cho trẻ. - 100% trẻ biết súc miệng bằng nước muối và đánh răng sau khi ăn - Thường nhắc nhở để trẻ thực hiện đúng để rèn thói quen tốt cho trẻ.	

	theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sây... - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ . * <i>Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi quy định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.	- Đồ chơi đảm bảo an toàn và vệ sinh sạch sẽ. - Thường xuyên nhắc nhở để trẻ biết giữ vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường. - Giáo viên phải có ý thức vệ sinh phòng nhóm sạch sẽ, thông thoáng theo quy định: Mở cửa, không đi dép bẩn vào phòng, Luôn có ý thức giữ gìn vệ sinh chung và giáo dục trẻ biết giữ vệ sinh môi trường sạch sẽ. - Giáo viên và người chăm sóc trẻ phải thực hiện đúng các yêu cầu về vệ sinh cho trẻ theo lịch tuần.	
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe * <i>Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các	- Có chế độ chăm sóc trẻ thấp còi nhẹ cân, Trẻ thừa cân	

	giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. - Phối hợp nhân viên y tế khám sức khỏe trẻ đợt 1. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Giáo viên quan tâm theo dõi phát hiện, chăm sóc trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đường hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy... Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Giáo viên nắm các kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.	- Kiểm tra sức khỏe cân nặng của trẻ hàng tháng - Giáo viên phát hiện kịp thời để báo cáo với nhà trường khi có dịch bệnh xảy ra tránh lây lan trong nhà trường. - Khi chăm sóc trẻ ốm giáo viên cần có thái độ ân cần, dịu dàng, không làm trẻ sợ hãi... - Trẻ được đảm bảo an toàn khi đến trường mầm non -Trẻ không mang quà vật, đồ trang sức đến lớp. -Thường xuyên kiểm tra ĐDDC nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ - Cô luôn bao quát trẻ để tránh xảy ra tai nạn, không để trẻ leo trèo lan can	
--	--	---	--

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN
(Thực hiện trong 4 tuần, từ ngày 05/10/2026 đến ngày 30/10 /2026)
 (Giáo viên thực hiện: Hồ Thị Chung)

MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
Lĩnh vực phát triển thể chất		
2. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu chất vitamin và muối khoáng...	+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.(+ Nhận biết một số món ăn, thực phẩm quen thuộc+ Trò chơi: Đố bạn biết; Ai có tranh giống cô; Gọi đủ 3 thứ; Thi hái quả - Làm bánh mỳ kẹp; Pha nước cam; làm Salad - Thực đơn của bé	- Hoạt động tổ chức bữa ăn: + Tổ chức tốt bữa ăn ở trường mầm non, phối kết hợp với cha mẹ trẻ tổ chức tốt các bữa ăn trong gia đình. - Chơi, hoạt động ở các góc: + Trò chơi nấu ăn:
14. Kiểm soát được vận động.	+ VĐCB: “Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian” + VĐCB: “Chạy nhấc cao đùi”	- Hoạt động học. + VĐCB: “Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian” + TCVD: “ Cáo và thỏ” + VĐCB: “Chạy nhấc cao đùi” + TCVD: “ Chuyển bóng”.
16. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: bật- nhảy, bò- trườn- trèo	+ VĐCB: “Bật liên tục vào vòng” + TCVD: “Chuyển bóng”	- Hoạt động học. + VĐCB: “Bật liên tục vào vòng” + TCVD: “Tung cao hơn nữa”
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
19. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào? Biết đưa ra ý kiến, nhận xét dựa trên những gì đã quan sát được.(Phát triển Chương trình)	Quan sát bạn trai, bạn gái Quan sát trang phục bạn trai bạn gái	* Chơi ngoài trời Quan sát bạn trai, bạn gái Quan sát trang phục bạn trai bạn gái

20. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để gọi tên, xem xét lá, hoa, quả ... và thảo luận các đặc điểm của đối tượng; Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	* Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Quá trình lớn lên của bé ? + Các giác quan của bé + Khám phá cái mũi + Khám phá cái miệng	- Hoạt động học: + KPKH: “Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh” - Hoạt động đón trẻ: Trò chuyện, giao tiếp với trẻ hỏi trẻ về bản thân trẻ.
33. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái), của bạn khác; của một vật so với một vật khác	+ Xác định phía trái phía phải của bạn khác + Xác định phía trên phía dưới, phía trước phía sau của đối tượng (có sự định hướng) + Xác định phía phải phía trái của đối tượng khác (có sự định hướng)	- Hoạt động học. + “Dạy trẻ phân biệt các phía trên - dưới, trước - sau của đối tượng có sự định hướng”. + “Dạy trẻ phân biệt phía phải - phía trái của bạn khác”. - Chơi, hoạt động ở các góc: + Góc khoa học và toán: + Trò chơi góc học tập: ngôi nhà kỳ diệu, ô số bí mật, bé học số mấy, tách gộp... - Hoạt động chiều: + Phân biệt phía phải - phía trái của đối tượng có sự định hướng. + Làm vở bé làm quen với toán.
38. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Tôi là bạn trai hay bạn gái + Bé giới thiệu về mình + Sự lớn lên của bé	* Hoạt động học: - Trò chuyện sáng theo PP Uniss: “ Sở thích của bé “ - Trò chuyện sáng theo PP Uniss: “ Cơ thể tôi và bạn”
41. Nói họ tên, đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Các bạn của bé + Trò chơi: Đoán xem bạn nào	* Hoạt động mọi lúc mọi nơi

43. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của địa phương và quê hương đất nước; Một số ngày lễ lớn trong năm.	+ Ngày hội của bà, của mẹ 20/10	* Hoạt động đón, trả trẻ - Trò chuyện với trẻ về ngày hội của bà, của mẹ - Hoạt động học: + Ngày hội 20/10 - Chơi, hoạt động ở các góc: + Góc âm nhạc, tạo hình: Làm thiệp, làm quà tặng bà, mẹ, cô và bạn gái.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
49. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức; Sử dụng các từ hình tượng. + Bé hãy lắng nghe	* Hoạt động mọi lúc mọi nơi:
50. Nghe hiểu được nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. Trẻ đọc diễn cảm bài thơ. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. Thích nghe, kể và đọc các bài đồng dao, ca dao, tục ngữ từ nhiều vùng miền (Phát triển chương trình, Lồng ghép yếu tố đa văn hóa).	* Chuyện: Câu chuyện của Tay phải, tay trái (Lý Thị Minh Hà); Ai đáng khen hơn nhiều(Phong Thu); Đôi Tai xấu xí (Theo báo Hoạ Mi); * Thơ: Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn); Tâm sự của cái mũi (Phạm Hồ); Lời chào (Phạm Cúc); Bé ơi (Phong Thu)...	* Hoạt động học: - Truyện: Câu chuyện của tay trái, tay phải (Lý Thị Minh Hà) - Thơ: Tay ngoan (Võ Thị Như chơn) Bàn tay của bé (Phong Thu) * Hoạt động chiều: Truyện: Đôi tai xấu xí; * Hoạt động chiều: - Thơ: Bàn tay của bé (Phong Thu) * Hoạt động mọi lúc mọi nơi: + Truyện: Ai đáng khen hơn nhiều(Phong Thu); + Cho trẻ đọc các bài thơ: Tâm sự của cái mũi (Phạm Hồ);; Bé ơi (Phong Thu)...
55. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung câu chuyện. Đóng được vai của nhân vật trong truyện	+ Kể chuyện sáng tạo; Đóng kịch: * Chuyện: Tay phải, tay trái ; Giác mơ kỳ lạ (Nguyễn Bích Ngọc); Cậu bé mũi dài (Lê Thị Thu Hương);	* Chơi, hoạt động ở các góc: Trẻ kể chuyện sáng tạo theo tranh, trẻ tập đóng kịch

62. Chọn sách để “đọc” và xem.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	* Chơi, hoạt động ở các góc: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
67. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	+ Tập tô, tập đồ các nét chữ a, ă, â + Tập tô, đồ các nét chữ : a, ă, â	* Chơi, hđ ở các góc: - Chơi nặn chữ cái a, ă, â - Trò chơi: Tìm chữ cái a, ă, â trong bài thơ, trong tên bạn - Tập tô các chữ cái a, ă, â * Hoạt động chiều - Thực hiện trong vở Tập tô: + Tập tô, tập đồ các nét chữ
69. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen chữ cái : a, ă, â - Trò chơi chữ cái : a, ă, â	* Hoạt động học - Làm quen chữ cái : a, ă, â - Trò chơi chữ cái : a, ă, â * Chơi, hđ ở các góc: trẻ xâu chữ cái, xếp hột hạt chữ a, ă, â.
Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội		
70. Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	+ Sở thích của bạn trai và bạn gái. + Trang phục của bé. + Dạy trẻ cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy, Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị, điểm giống và khác nhau của mình với người khác): + <i>KNS: Quy tắc 5 ngón tay.</i> + <i>KNS: Ứng xử với mọi người</i>	- Hoạt động mọi lúc mọi nơi: + Trẻ trao đổi trò chuyện cùng cô và các bạn. - Chơi, hoạt động ở các góc: Chơi trò chơi kỹ năng.
75. Biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Góc phân vai: Cô giáo, gia đình, Bác cấp dưỡng; Cửa hàng bán đồ dùng đồ chơi cho trẻ, Bếp ăn của trường; Cửa hàng thực phẩm; Phòng khám... - Góc xây dựng: Xây ngôi nhà của bé - Góc học tập: Xem tranh ảnh về cơ thể người, phân nhóm bạn trai, bạn gái, làm album ảnh, Tìm chữ cái còn thiếu, phân biệt phía phải, phía trái của bạn khác - Góc Nghệ thuật:	* Chơi, hoạt động ở các góc

	+ Vẽ, nặn, xé dán, tô màu các đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non, làm album ảnh về các chủ đề: Bản thân ,đóng kịch: các câu chuyện trong chủ đề: Bản thân, biểu diễn các bài hát về chủ đề bản thân - Góc thư viện: + Xem tranh truyện về các chủ đề bản thân - Góc thiên nhiên: chăm sóc rau, vườn hoa, cây cảnh	
77. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Tự giác hoàn thành công việc được giao. - Chủ động, độc lập trong một số hoạt động + Bé làm trực nhật KNS + Dạy trẻ xếp gấp quần áo	* Hoạt động chiều: KNS + Dạy trẻ xếp gấp quần áo
78. Tự làm một số việc đơn giản, hàng ngày(vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	+ Sắp xếp đồ chơi của lớp. + HD rửa tay lau mặt.	* Chơi, hoạt động ở các góc + Trẻ biết sắp xếp đồ chơi gọn gàng sau khi chơi xong - Hoạt động vệ sinh: + Trẻ rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.
92. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác: + Điều hay bé làm + Nhận biết hành vi tốt, xấu, đúng, sai	- Hoạt động mọi lúc mọi nơi
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
98. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. Thích nghe các bài hát dân ca các vùng miền (Phát	Nghe hát: Tìm bạn thân, Thằng tý sún, thật đáng chê, bạn có biết tên tôi (Lê Đức- Thu Hiền), Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), nắm tay thân thiết (Nhạc Hàn Quốc), cho con	* Hoạt động học - Nghe hát: tìm bạn thân, Thằng tý sún, thật đáng chê, cho con * Hoạt động chiều : - Dân ca tự chọn - HD trò chuyện: Cho trẻ nghe các bài hát về chủ đề - Hoạt động mọi lúc mọi nơi:

triển chương trình và Lồng ghép yếu tố đa văn hóa).		- Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ) -Thật đáng chê (Theo điệu Bắc Kim Thang. Lời Việt Anh -Năm tay thân thiết (Nhạc Hàn Quốc)
99. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ....Thích hát và vận động các bài hát dân ca các vùng miền (Phát triển chương trình và lồng ghép yếu tố đa văn hóa).	* Dạy hát: Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo); Cái mũi (Lê Đức); Vì sao con mèo rửa mặt (Hoàng Long); Mời bạn ăn (Trần Ngọc);	* Hoạt động học - Dạy hát: Cái mũi (Nhạc:Nước ngoài.Lời: Lê Đức-Thu Hiền), * Hoạt động chiều : - Cái mũi (Lê Đức); Mời bạn ăn - Ôn Các bài hát trong chủ đề * Hoạt động mọi lúc mọi nơi: - Mời bạn ăn (Trần Ngọc) - Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo);
100. Thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc, trò chơi âm nhạc.	VTTTC: Đường và chân (Nhạc: Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu), mời bạn ăn (Trần ngọc) * Biểu diễn cuối chủ đề - Bạn ở đâu, Giọng hát to, giọng hát nhỏ, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Nhảy theo giai điệu	* Hoạt động học VTTTC: Đường và chân (Nhạc: Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu), mời bạn ăn (Trần ngọc) * Biểu diễn cuối chủ đề TCAN: - Bạn ở đâu, Giọng hát to, giọng hát nhỏ, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Nhảy theo giai điệu
102. Biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. Thích sử dụng bộ gõ cơ thể, thích vận động các bản nhạc nước ngoài, (Phát triển chương trình và lồng ghép yếu tố đa văn hóa)	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	Chơi, hđ ở các góc: Sử dụng các dụng cụ âm nhạc để vận động một số bài hát trong chủ đề
103. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo	+ Làm bưu thiếp tặng cô	Chơi, hđ ở các góc:

hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm đơn giản.	+ Làm rối (bằng rơm) bạn trai, bạn gái	Sử dụng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm như làm: + Làm bưu thiếp tặng cô, mẹ, bạn gái + Làm rối (bằng rơm) bạn trai, bạn gái
104. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	* Vẽ: Vẽ chân dung của bé; Vẽ các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc; Vẽ bạn trai, bạn gái; Vẽ, tô màu bé tập thể dục; Vẽ đồ dùng của bé(Áo, quần, mũ, dép...); Trang trí khăn quàng cổ...	* Hoạt động học: Vẽ tô màu chân dung bé * Hoạt động chiều - Trang trí khăn quàng cổ - Vẽ bạn trai, bạn gái * Chơi, hđ ở các góc Vẽ các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc, Vẽ, tô màu bé tập thể dục; Vẽ đồ dùng của bé(Áo, quần, mũ, dép
105. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Nặn mâm ngũ quả; Nặn bàn tay, bàn chân của bé;Nặn một số đồ chơi mà cháu yêu thích...	* Chơi, hđ ở các góc Nặn mâm ngũ quả; Nặn bàn tay, bàn chân của bé;Nặn một số đồ chơi mà cháu yêu thích
106. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Cắt, xé một số đồ dùng của bản thân; Cắt dán áo bạn trai bạn gái; Cắt dán làm gang tay...	* Hoạt động học - Cắt dán áo bạn trai, bạn gái * Hoạt động chiều - Làm gang tay - Làm đồng hồ đeo tay

